

Số: /BC-UBND

Vĩnh Châu, ngày tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2021

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 2276/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021.

Căn cứ Công văn số 2054/STC-TT ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng về việc báo cáo thực hành tiết kiệm chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2021.

Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2021 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo THPTK, CLP

Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân thị xã đã triển khai các văn bản đến các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân các xã, phường thực hiện tốt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THPTK, CLP) tại các cuộc họp giao ban của Ủy ban nhân dân thị xã và ban hành Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021. Tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, có những hành động và việc làm cụ thể để tạo sự chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, năng suất, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng ngân sách phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ, có hiệu quả và tiết kiệm. Tổ chức công khai tài chính, minh bạch trong chi tiêu, rõ ràng trong quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Đẩy mạnh và thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trên cơ sở giám sát của tổ chức

chính trị, xã hội và quần chúng nhân dân. Trong thực hiện giao quyền tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính với cơ quan nhà nước, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị được giao quyền tự chủ, công tác quản lý tài chính và thực hành tiết kiệm đã có chuyển biến rõ rệt, thực hiện tốt việc xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ chi tiết, cụ thể, xây dựng được định mức trong cách xác định thu nhập tăng thêm cho công chức trong đơn vị, đảm bảo công khai, dân chủ, làm căn cứ tổ chức quản lý và thực hiện trong việc sử dụng ngân sách và tham gia giám sát của cán bộ công chức trong việc chấp hành các định mức chi tiêu tài chính trên tinh thần tiết kiệm, đạt năng suất và hiệu quả công tác.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP:

Căn cứ vào Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2021, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã xây dựng Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021. Theo đó, chỉ đạo Thủ trưởng cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn, năm theo chức năng nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực phụ trách và cấp địa phương. Trong quản lý điều hành ngân sách hàng năm, Ủy ban nhân dân thị xã chỉ đạo các đơn vị sử dụng ngân sách giảm tối đa các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo; kinh phí tổ chức các ngày lễ lớn, các ngày kỷ niệm thành lập ngành theo tinh thần triệt để tiết kiệm và nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc họp, hội nghị. Các phòng, ban, đơn vị ban hành kế hoạch và triển khai đến tất cả cán bộ, công chức của các đơn vị.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính và xác định rõ các nội dung phải THPTK, CLP theo quy định của Luật, từ đó đề ra các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm. Giao nhiệm vụ cho một số cơ quan quan, ban ngành theo chức năng trong việc rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý, hệ thống văn bản quy định về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước; tăng cường công tác quản lý, giám sát, kiểm tra việc tổ chức thực hiện thu, chi NSNN, quản lý sử dụng tài sản công.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THPTK, CLP

Trong 06 tháng đầu năm 2021, đã tiến hành thanh tra 03 cuộc thanh tra: Trong đó 01 cuộc thanh tra tài chính tại Trường tiểu học Hòa Đông; 02 cuộc thanh tra công tác phòng chống tham nhũng tại Ủy ban nhân dân Phường 2 và Phòng Văn hóa thông tin thị xã.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THTK, CLP TRONG CÁC LĨNH VỰC

Trong 06 tháng đầu năm 2021, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan có những chuyển biến khá rõ nét; các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã đi vào trọng tâm, trọng điểm cho thấy hoạt động của cơ quan và các phòng, ban, đơn vị cơ bản đã quan tâm và thực hiện công khai, minh bạch, nhất là lĩnh vực tài chính; quản lý, sử dụng tài sản, điện nước, điện thoại, văn phòng phẩm và kinh phí từ ngân sách Nhà nước đúng theo chế độ, định mức, tiêu chuẩn quy định; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xảy ra hành vi lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Qua quá trình triển khai thực hiện đã đạt được một số kết quả thiết thực ở một số lĩnh vực cụ thể như sau:

1. THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Các đơn vị thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm 130/2005/NĐ-CP và 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính với cơ quan nhà nước, Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, bám sát vào các văn bản hướng dẫn tại Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định mức chi tiếp khách nước ngoài làm việc tại tỉnh Sóc Trăng, mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Và một số văn bản liên quan đến định mức, tiêu chuẩn, chế độ khác.

Trên cơ sở các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định của Trung ương và địa phương, các cơ quan, đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy định việc sử dụng kinh phí thường xuyên cho các khoản mục về chế độ công vụ cơ quan, văn phòng phẩm, điện, nước, điện thoại, nhiên liệu, hội nghị, tiếp khách, máy vi tính, máy in, máy fax,...

2. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)

Năm 2021 là năm thứ năm triển khai Luật ngân sách năm 2015. Trên cơ sở đó UBND thị xã đã trình HĐND thị xã phân bổ và giao dự toán ngân sách Nhà nước đúng quy định Luật Ngân sách Nhà nước; đồng thời, tập trung chỉ đạo

các ngành, các cấp triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, bổ sung kịp thời cho ngân sách cấp dưới, đảm bảo đầy đủ nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi đúng mục đích, quy định. Qua đó, đã tiết kiệm trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán quản lý sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

Ủy ban nhân dân thị xã chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thị xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021.

Trong 6 tháng đầu năm năm 2021 công tác lập, thẩm định phê duyệt, phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách đã tiết kiệm số tiền 127 triệu đồng; dự toán năm 2021 đã thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên, giữ lại ngân sách thị xã thực hiện cải cách tiền lương là 6.166 triệu đồng tại Quyết định số 3709/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thị xã Vĩnh Châu .

Bên cạnh đó, các cơ quan chuyên môn, ban ngành, đoàn thể cấp thị xã và UBND xã, phường thực hiện quản lý và sử dụng ngân sách một cách có hiệu quả để tổ chức hội nghị, hội thảo, sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, sửa chữa trang thiết bị làm việc, tiết kiệm được với số tiền 135 triệu đồng.

3. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

Thực hiện Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan Nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;; Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, UBND thị xã đã chỉ đạo các cơ quan, ban ngành và UBND các xã, phường thực hiện mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc đảm bảo đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc, đúng định mức, chế độ quy định. Trong mua sắm luôn có kế hoạch cụ thể và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

4. THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế, dự toán tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ, Chỉ thị số 1792/CT-TTg, Chỉ thị số 27/CT-TTg, Chỉ thị số 14/CT-TTg của Chính phủ. Phạm vi, quy mô của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được xét duyệt và khả năng bố trí vốn.

Công tác tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Thông qua

công tác đấu thầu đã lựa chọn được các nhà thầu có kinh nghiệm, năng lực thực hiện dự án, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện, giảm chi phí đầu tư.

Công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của các dự án được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Tài chính, hạn chế tối đa tình trạng thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Trong 06 tháng năm 2021 tiếp nhận 09 dự án, công trình, với tổng giá trị là 80.436 triệu đồng, đã thẩm tra phê duyệt quyết toán là 09 công trình, với tổng giá trị là 55.772 triệu đồng. Các hạng mục công trình được thẩm tra và phê duyệt quyết toán đã giảm trừ qua thẩm tra 113 triệu đồng, công tác quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc ngày càng chặt chẽ, đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

THTK, CLP trong đầu tư xây dựng: Ủy ban nhân dân thị xã đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, chủ đầu tư thực hiện chặt chẽ ở các khâu đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn đầu tư. Kết quả đã tiết kiệm từ lĩnh vực này với số tiền là 993 triệu đồng (trong đó: Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán là 609 triệu đồng; đấu thầu là 384 triệu đồng).

5. THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

Trong quản lý đất đai: Công tác quản lý và sử dụng đất đai theo Luật đất đai và các văn bản quy định. Công tác đo đạc, lập quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất đảm bảo theo đúng quy định, tiết kiệm có hiệu quả.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: Tiếp tục thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường đến năm 2021; triển khai thực hiện đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã.

6. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Trong thời gian qua, các cơ quan, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường có nhiều nỗ lực triển khai và đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách về thủ tục hành chính. Việc cải cách chế độ công vụ, công chức đã được các sở, ngành và các huyện, thành, thị tiếp tục triển khai thực hiện, trong đó tập trung hoàn thiện thể chế, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử, phần mềm quản lý kế toán, tài sản tại đơn vị, hệ thống tiêu chuẩn, chức danh ngạch; thực hiện chính sách tinh giản biên chế, sắp xếp bố trí sắp xếp lại cho phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn, gắn với công tác đánh giá để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THTK, CLP 06 THÁNG CUỐI NĂM 2021

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến đẩy mạnh việc thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, thị xã về liên quan đến công tác THTK, CLP.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật ngân sách nhà nước trong tất cả các khâu: Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước.

- Chủ động sắp xếp, điều chỉnh các nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng thu ngân sách; tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện rà soát, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi thường xuyên, cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và giải ngân các dự án, nhất là các dự án sử dụng vốn các chương trình mục tiêu. Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, đẩy nhanh tiến độ trong đầu tư xây dựng; quan tâm hơn nữa công tác quản lý chất lượng công trình, thanh toán vốn đầu tư, tránh nợ đầu tư công.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, ban ngành, đoàn thể cấp thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và chế độ thông tin báo cáo về công tác THPT, CLP. Gương mẫu, nêu cao tinh thần tự giác của cán bộ công chức, viên chức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong các cơ quan hành chính.

- Thực hiện tốt việc công khai dự toán, quyết toán ngân sách và tài sản công ở các đơn vị dự toán; công tác tự kiểm tra tài chính tại đơn vị.

- Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch nhằm phát hiện và xử lý nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong các lĩnh vực thuộc ngân sách nhà nước.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm soát về chấp hành chế độ định mức tiêu chuẩn về tài chính, nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào các lĩnh vực sau: Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước; các Chương trình mục tiêu quốc gia; mua sắm trang thiết bị làm việc, ... để kịp thời ngăn chặn, xử lý vi phạm.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước, tạo sự công khai, minh bạch trong công tác quản lý.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí 06 tháng năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2021 trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT, NC.



**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Thắng

KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 06 tháng năm 2021

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu 6 tháng đầu năm 2021	Số liệu 9 tháng năm 2021	Số liệu năm 2021
1	2	3		6	
I	TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN)		262		262
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		127	0	127
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng			0
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ	triệu đồng			0
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng			0
1.4	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		127		127
-	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	10		10
-	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng			0
-	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng			0
-	Tiết kiệm xăng dầu	triệu đồng			0
-	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng			0
-	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	2		2
-	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, tuyên truyền	triệu đồng	67		67
-	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm, họp mặt	triệu đồng	48		48
-	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	triệu đồng			0
-	các khoản tiết kiệm khác				0
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		135		135
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		135		135
-	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	15		15
-	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng			0
-	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	4		4
-	Tiết kiệm xăng dầu	triệu đồng	4		4
-	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	5		5
-	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	25		25
-	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, tuyên truyền	triệu đồng	20		20

-	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm, họp mặt	triệu đồng	15		15
-	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	triệu đồng	10		10
-	các khoản tiết kiệm khác		37		37
2.2.	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)				0
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng			0
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm				0
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng			0
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	triệu đồng			0
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng			0
	Các nội dung khác				0
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng			0
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng			0
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học công nghệ	triệu đồng			0
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ				0
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị			0
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị			0
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng			0
4	Các nội dung khác				0
II	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NSNN, TIỀN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC		1.106		1.106
1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án			0
2	Số kinh phí tiết kiệm được gồm:	triệu đồng	1.106	0	1.106
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	609		609
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	triệu đồng	384		384
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng			0
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	113		113
3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng			0
4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án			0
5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ				0
	Số lượng	dự án			0
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng			0
6	Các nội dung khác				0
III	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, NHÀ CÔNG VỤ CỦA CƠ QUAN SỬ DỤNG NSNN, CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CÔNG CỘNG				0
1	Trụ sở làm việc				0

1.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2			0
1.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2			0
1.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2			0
1.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2			0
1.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2			0
1.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng			0
2	Nhà công vụ				0
2.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2			0
2.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2			0
2.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2			0
2.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2			0
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2			0
2.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng			0
3	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)				0
3.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc			0
3.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc			0
3.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc			0
3.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc			0
3.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng			0
4	Tài sản khác				0
4.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển thu hồi				0
4.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được				0
4.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản				0
5	Các nội dung khác				0